

=BẢN DỊCH=

PHÁP LUẬT VỀ THỰC PHẨM TẠI VIỆT NAM

RUSSIN & VECCHI

HO CHI MINH CITY

Vietcombank Tower, 14/F

5 Me Linh Square

Tel: (84-28) 3824-3026

E-mail: lawyers@russinvecchi.com.vn

HANOI

Hanoi Central Office Building, 11/F

44B Ly Thuong Kiet St

Tel: (84-24) 3825-1700

E-mail: lawyers@russinvecchi.com.vn

www.russinvecchi.com.vn

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU	1
THỰC PHẨM LÀ GÌ?.....	2
AN TOÀN THỰC PHẨM.....	3
GHI NHÃN.....	7
QUẢNG CÁO.....	11
THU HỒI.....	13
KIỂM TRA	15
CÁC YÊU CẦU VỀ NHẬP KHẨU	16
CÁC YÊU CẦU VỀ XUẤT KHẨU.....	19
THỦY SẢN	20
THỰC THI.....	24
KẾT LUẬN.....	28
PHỤ LỤC.....	29

BẢNG CHÚ GIẢI

Trong quyển sách này, chúng tôi định nghĩa các thuật ngữ và các thuật ngữ sẽ được viết tắt ngay sau khi chúng được sử dụng lần đầu tiên. Để dễ dàng theo dõi nội dung văn bản, chúng tôi soạn Bảng Chú giải Thuật ngữ này.

BRCGS	Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm
CFS	Giấy chứng nhận Lưu hành Tự do
SXD	Sở Xây dựng
SYT	Sở Y tế
STTTT	Sở Thông tin và Truyền thông
FBO	Vận hành Kinh doanh Thực phẩm
CQQLATVSTP	Cơ quan Quản lý An toàn Vệ sinh Thực phẩm
FSSC	Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm
TCTCĐLCL	Tổng cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng
GMP	Chứng nhận Thực hành Sản xuất Hàng hóa
HACCP	Hệ thống Phân tích Mối nguy và Kiểm soát Điểm Tới hạn
HC	Chứng nhận Y tế
IFS	Tiêu chuẩn Thực phẩm Quốc tế
ISMU	Hệ thống Đơn vị Đo lường Quốc tế
ISO	Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế
LATTP	Luật An toàn Thực phẩm
LCLSPHH	Luật Chất lượng Sản phẩm, Hàng hóa
LTCQCKT	Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Kỹ thuật
BNNPTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
BVHTTDL	Bộ Văn hóa, Thể thao, và Du lịch
BXD	Bộ Xây dựng
BVHTT	Bộ Văn hóa và Thông tin
BYT	Bộ Y tế

BTTTT	Bộ Thông tin và Truyền thông
BCT	Bộ Công thương
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BKHCN	Bộ Khoa học và Công nghệ
TCCS	Tiêu chuẩn Cơ sở
TCVN	Tiêu chuẩn Quốc gia

PHÁP LUẬT VỀ THỰC PHẨM TẠI VIỆT NAM*

GIỚI THIỆU

Am hiểu luật và các quy định của Việt Nam liên quan đến thực phẩm có thể là một thách thức. Chính phủ dựa vào các luật chung để quy định chất lượng của hàng hóa, bao gồm thực phẩm. Bên cạnh đó, cũng có một số quy định cụ thể áp dụng đối với các sản phẩm thực phẩm. Điều này có nghĩa rằng có hai nhóm quy định – một nhóm bao gồm hàng hóa nói chung và một nhóm quy định khác bao gồm sản phẩm thực phẩm – và chúng thường chồng chéo nhau.

Các luật chính yếu về chủ đề này là Luật Chất lượng Sản phẩm, Hàng hóa¹ (“**LCLSPHH**”) và Luật An toàn Thực phẩm² (“**LATTP**”). LCLSPHH quy định rằng “Nhà nước áp dụng một hệ thống thống nhất để kiểm soát chất lượng hàng hóa”³. Tuy nhiên, “trong trường hợp có các hiệp ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam là thành viên, có chứa các điều khoản khác với LCLSPHH, thì các điều khoản trong các hiệp ước quốc tế sẽ được áp dụng.”⁴

LCLSPHH có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2008 và thay thế Pháp lệnh về Chất lượng Hàng hóa. LCLSPHH quy định rằng nhà sản xuất và kinh doanh phải chịu trách nhiệm về chất lượng của hàng hóa hoặc sản phẩm mà họ sản xuất hoặc kinh doanh, để đảm bảo an toàn cho con người, động vật, thực vật, tài sản và môi trường, và để nâng cao năng suất, chất lượng và tính cạnh tranh của hàng hóa và sản phẩm Việt Nam⁵. LCLSPHH định nghĩa thêm “hàng hóa” và “sản phẩm”, trong đó chủ yếu là thực phẩm.

LATTP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2011, thay thế Pháp lệnh về Vệ sinh và An toàn Thực phẩm. LATTP chủ yếu mô tả quyền và nghĩa vụ của các tổ chức và cá nhân liên quan đến vấn đề an toàn thực phẩm; các điều kiện để đảm bảo an toàn thực phẩm cho sản xuất, kinh doanh thực phẩm và xuất khẩu hoặc nhập khẩu thực phẩm; quảng cáo và ghi nhãn thực phẩm; kiểm nghiệm thực phẩm; phân tích nguy cơ đối với an toàn thực phẩm; phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về vấn đề an toàn thực phẩm.⁶

Luật LCLSPHH giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ (“**BKHCN**”) chịu trách nhiệm chung đối với chất lượng hàng hóa, bao gồm thực phẩm, trong khi LATTP giao trách nhiệm về an toàn thực phẩm cho Bộ Y tế (“**BYT**”), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (“**BNNPTNN**”), và Bộ Công thương (“**BCT**”).

* Cuốn sách này được viết và cập nhật bởi các luật sư của Russin & Vecchi. Cập nhật đến tháng 06/2022.

¹ Luật số 05/2007/QH 12 được phê duyệt bởi Quốc Hội ngày 21 tháng 11, 2007 về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

² Luật số 55/2007/QH 12 được phê duyệt bởi Quốc Hội ngày 17 tháng 6, 2010 về an toàn thực phẩm.

³ LCLSPHH, điều 68.1

⁴ Như trên, điều 4.3.

⁵ Như trên, điều 5.2.

⁶ LATTP, điều 1.

THỰC PHẨM LÀ GÌ?

LATTP định nghĩa “thực phẩm” như sau: “thực phẩm là sản phẩm mà con người ăn, uống ở dạng tươi sống hoặc đã qua sơ chế, chế biến, bảo quản. Thực phẩm không bao gồm mỹ phẩm, thuốc lá và các chất sử dụng như dược phẩm”⁷. Có các định nghĩa bổ sung về các loại thực phẩm khác nhau, bao gồm thực phẩm tươi sống, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng, thực phẩm biến đổi gen, thực phẩm đã qua chiếu xạ, thức ăn đường phố và thực phẩm đóng gói sẵn.

Các định nghĩa bổ sung như sau:

“Thực phẩm tươi sống” là thực phẩm chưa qua chế biến bao gồm thịt tươi sống, trứng, cá, thủy hải sản, rau, củ, quả tươi và các thực phẩm khác chưa qua chế biến.⁸

“Thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng” là thực phẩm được bổ sung vitamin, chất khoáng, chất vi lượng nhằm phòng ngừa, khắc phục sự thiếu hụt các chất đó đối với sức khỏe cộng đồng hay nhóm đối tượng cụ thể trong cộng đồng.⁹

“Thực phẩm chức năng” là thực phẩm dùng để hỗ trợ chức năng của cơ thể con người, tạo cho cơ thể tình trạng thoải mái, tăng sức đề kháng, giảm bớt nguy cơ mắc bệnh, bao gồm thực phẩm bổ sung, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học. Quy định chi tiết về thực phẩm chức năng được quy định trong Thông tư số 43/2014/TT-BYT của BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014.¹⁰

“Thực phẩm biến đổi gen” là thực phẩm có một hoặc nhiều thành phần nguyên liệu có gen bị biến đổi bằng công nghệ gen.¹¹

“Thực phẩm đã qua chiếu xạ” là thực phẩm đã được chiếu xạ bằng nguồn phóng xạ để xử lý, ngăn ngừa sự biến chất của thực phẩm. Quy định chi tiết về thực phẩm đã qua chiếu xạ được cung cấp trong Quyết định số 3616/2004/TT-BYT của BYT ngày 14 tháng 10 năm 2004.¹²

“Thức ăn đường phố” là thực phẩm được chế biến dùng để ăn, uống ngay, trong thực tế được thực hiện thông qua hình thức bán rong, bày bán trên đường phố, nơi công cộng hoặc những nơi tương tự.¹³

“Thực phẩm đóng gói sẵn” là thực phẩm được bao gói và ghi nhãn hoàn chỉnh, sẵn sàng để bán trực tiếp cho mục đích chế biến tiếp hoặc sử dụng để ăn ngay.¹⁴

⁷ LATTP, điều 2.20.

⁸ Như trên, điều 2.21.

⁹ Như trên, điều 2.22.

¹⁰ Như trên, điều 2.23

¹¹ Như trên, điều 2.24.

¹² Như trên, điều 2.25.

¹³ Như trên, điều 2.26.

¹⁴ Như trên, điều 2.27.

AN TOÀN THỰC PHẨM

Tất cả các cá nhân và tổ chức muốn sản xuất và kinh doanh thực phẩm phải đảm bảo rằng thực phẩm của họ là an toàn. Nói cách khác, thực phẩm tuân theo các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan và đáp ứng các yêu cầu giới hạn đối với vi sinh vật gây bệnh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật hoặc thuốc thú y, kim loại nặng, chất gây ô nhiễm và các thành phần khác trong thực phẩm mà có thể gây nguy hại đến sức khỏe và tính mạng con người. Ngoài ra, tùy vào từng loại thực phẩm, thực phẩm phải tuân thủ một hay nhiều các quy định về (i) việc sử dụng chất phụ gia và chất hỗ trợ chế biến trong quá trình sản xuất và kinh doanh thực phẩm, (ii) đóng gói và ghi nhãn thực phẩm và (iii) bảo quản thực phẩm.¹⁵

Chất lượng của hàng hoá và sản phẩm được quản lý trên cơ sở các tiêu chuẩn công bố áp dụng và các quy chuẩn kỹ thuật.¹⁶ Hệ thống các tiêu chuẩn Việt Nam bao gồm tiêu chuẩn quốc gia (“TCVN”) và tiêu chuẩn được áp dụng một cách tự nguyện bởi tổ chức và cá nhân (“TCCS”).¹⁷ Tiêu chuẩn Việt Nam được dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế, khu vực và nước ngoài. Tiêu chuẩn Việt Nam cũng bao gồm kết quả của các công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, kinh nghiệm thực tế và kết quả đánh giá, kiểm định, thí nghiệm, thanh tra và kiểm tra.¹⁸

Đã có thời điểm mà tất cả hàng hóa phải “đăng ký” chất lượng. Tức là, Nhà nước yêu cầu cá nhân và tổ chức sản xuất và kinh doanh hàng phải tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng nhất định. Thực phẩm cũng không ngoại lệ. Thực phẩm phải được đăng ký với BYT. Việc đăng ký bao gồm các thông tin như: một danh sách các tiêu chuẩn mà sản phẩm thực phẩm phải tuân theo; một bảng biểu thể hiện các giai đoạn của quá trình sản xuất sản phẩm thực phẩm từ lưu trữ nguyên liệu thô cho đến giai đoạn xử lý và cuối cùng là lưu kho và vận chuyển thành phẩm; bảng nhập hay chính thức của nhãn mác; hướng dẫn và bảo hành; kết quả kiểm định cho sản phẩm thực phẩm ban hành bởi một trung tâm kiểm định được nhà nước cấp phép; và một danh sách liệt kê tất cả nguyên liệu thô được sử dụng để sản xuất sản phẩm thực phẩm, bao gồm các chất phụ gia và nguyên liệu đóng gói. Vào thời điểm đó, BYT có quyền từ chối một đơn xin đăng ký.

Tuy nhiên, theo LCLSPHH, cá nhân và tổ chức sản xuất và kinh doanh hàng hóa bao gồm thực phẩm, nay chỉ cần “công bố”, thay vì “đăng ký” tiêu chuẩn riêng của họ. Theo LATTP, các nhà sản xuất và kinh doanh phải quyết định và công bố các tiêu chuẩn về thực phẩm của họ. Tức là, họ có thể tự mình quyết định tiêu chuẩn hàng hóa của họ.¹⁹ Dĩ nhiên, những tiêu chuẩn này phải thỏa mãn các quy định hiện hành theo tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ngành. Như vậy, vai trò độc quyền của Nhà nước liên quan đến tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, bao gồm thực phẩm, được chuyển thành những cam kết tự nguyện của tổ chức và những cam kết này được xây dựng và phù hợp với các tiêu chuẩn riêng của họ.

¹⁵ LATTP, điều 10.

¹⁶ LCLSPHH, điều 5.1

¹⁷ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 (“LTCQCKT”), điều 10.

¹⁸ Như trên, điều 13.

¹⁹ LATTP, điều 7.

Nhà sản xuất và kinh doanh thực phẩm đóng gói, chất phụ gia, các chất hỗ trợ quá trình sản xuất, nguyên liệu đóng gói, và hộp đựng thực phẩm (gọi tắt là “**Sản phẩm**”) phải công bố rằng Sản phẩm của họ tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật liên quan. Trước đó, theo Nghị định 38²⁰, việc công bố này phải được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, như BYT hoặc SYT trước khi việc sản xuất và kinh doanh Sản phẩm bắt đầu. Trong khi quy định này có thể được xem như một cách tiếp cận hợp lý các vấn đề về an toàn thực phẩm, thì điều này thường cản trở người sản xuất và kinh doanh trong việc đưa Sản phẩm của họ ra thị trường do có thể mất đến bốn tuần trước khi công bố được chấp nhận.

Với việc ban hành Nghị định 15²¹, thay thế Nghị định 38, quy trình công bố Sản phẩm đã dần được sắp xếp hợp lý. Nhà sản xuất và kinh doanh Sản phẩm²² hiện nay chỉ cần tự công bố Sản phẩm của họ trên các phương tiện thông tin đại chúng và với cơ quan chức năng phù hợp thuộc Ủy Ban Nhân dân địa phương. Việc tự công bố Sản phẩm theo Nghị định 15 khác cơ bản với việc công bố Sản phẩm theo Nghị định 38. Trong khi Nghị định 38 quy định việc công bố phải được phê duyệt từ các cơ quan chức năng, Nghị định 15 không quy định phải có sự phê duyệt này. Sau khi tự công bố Sản phẩm, các nhà sản xuất và kinh doanh có thể ngay lập tức sản xuất và/ hoặc lưu thông Sản phẩm trên thị trường. Các nhà sản xuất và kinh doanh chịu hoàn toàn trách nhiệm về sự an toàn của sản phẩm tự công bố.²³ Tuy nhiên, một số Sản phẩm cần một bước đăng ký bổ sung, gọi là Đăng ký Bản Công bố Sản phẩm²⁴ Nghị định 15 giảm đáng kể khoảng cách giữa công bố và việc sản xuất/ kinh doanh một Sản phẩm trong khi nó vẫn đảm bảo việc các nhà sản xuất và kinh doanh phải chịu trách nhiệm với Sản phẩm phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật và quy định an toàn thực phẩm. Do vậy, Nghị định 15 đã rút ngắn cơ bản quy trình thủ tục hành chính so với Nghị định 38.

Tự công bố Sản phẩm

Hồ sơ để tự công bố Sản phẩm bao gồm bản tự công bố sản phẩm theo Mẫu 01 trong Phụ lục I của Nghị định 15 và phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm hợp lệ (“**Phiếu Kiểm nghiệm**”). Phiếu Kiểm nghiệm phải trong thời hạn 12 tháng và được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định phù hợp với tiêu chuẩn ISO 17205. Phiếu kiểm nghiệm phải kiểm định hoặc (i) tiêu chuẩn ban hành bởi BYT tuân theo các nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp các quy định của quốc tế hoặc (ii) tiêu chuẩn an toàn theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn tương ứng quy định bởi một tổ chức hoặc cá nhân, trong trường hợp chưa có quy định từ BYT. Việc Đăng ký Bản Công bố Sản phẩm cũng đòi hỏi Phiếu Kiểm nghiệm như được đề cập dưới đây.

²⁰ Nghị định Chính phủ số 38/2012/ND-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của LATTP (“**Nghị định 38**”), được thay thế bởi Nghị Định 15 vào ngày 02 tháng 02 năm 2018.

²¹ Nghị định Chính phủ số 15/2018/ND-CP ngày 2 tháng 1, 2018, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của LATTP (“**Nghị định 15**”), điều 4.

²² Ngoại trừ các sản phẩm, thành phần mà được sản xuất hoặc nhập khẩu đặc biệt cho việc sản xuất, xử lý hàng hóa xuất khẩu hoặc sản phẩm trong nước bởi một tổ chức hoặc cá nhân mà không đưa vào thị trường.

²³ Nghị định 15, điều 5.2.b

²⁴ Xem “**Đăng ký Bản Công bố Sản phẩm**” trang 5.

Hồ sơ phải được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên trang thông tin điện tử của nhà sản xuất hoặc kinh doanh. Sau đó, hồ sơ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo công khai trên cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm. Nếu không có cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm tại thời điểm đăng ký, hồ sơ phải được nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ định.²⁵ Tên của Nhà sản xuất, nhà kinh doanh và sản phẩm của họ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận.

Đăng ký Bản công bố Sản phẩm

Việc đăng ký Bản công bố sản phẩm được yêu cầu đối với các sản phẩm thuộc một trong các loại dưới đây:

- (i). thực phẩm bảo vệ sức khỏe²⁶;
- (ii). thực phẩm dinh dưỡng y học²⁷, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt²⁸;
- (iii). sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ em dưới 36 tháng tuổi; và
- (iv). các chất phụ gia thực phẩm hỗn hợp²⁹ có công dụng mới, và các chất phụ gia thực phẩm không thuộc danh mục các chức phụ gia thực phẩm được cho phép sử dụng³⁰ hoặc không được quy định bởi BYT.

Nhà sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thuộc loại (i) và (iv) phải đăng ký bản công bố của họ với BYT. Nhà sản xuất và kinh doanh Sản phẩm thuộc loại (ii) và (iii) phải đăng ký bản công bố của họ tới cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được chỉ định bởi Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh. Một bộ hồ sơ hoàn chỉnh cho việc đăng ký bản công bố sản phẩm bao gồm các tài liệu sau:

- (i). Bản công bố sản phẩm theo Mẫu số 02 thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15;
- (ii). Giấy chứng nhận Lưu hành Tự do hoặc Giấy chứng nhận Xuất khẩu hoặc Giấy chứng nhận Y tế được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ/nước xuất khẩu có nội dung bảo đảm an toàn cho người sử dụng sản phẩm hoặc cho phép việc sử dụng tự do Sản phẩm trong nước xuất xứ/nước xuất khẩu;

²⁵ Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế (“**Nghị định 155**”), điều 3.

²⁶ Điều 3.1 Nghị định 15 định nghĩa “sản phẩm bảo vệ sức khỏe” là sản phẩm bổ sung thêm vào chế độ ăn hàng ngày để tăng cường sức khỏe cho người sử dụng và cộng đồng.

²⁷ Điều 3.2 Nghị định 15 định nghĩa “thực phẩm dinh dưỡng y học” là loại thực phẩm có thể ăn bằng đường miệng hoặc bằng ống xông, được chỉ định để điều chỉnh chế độ ăn của người bệnh và chỉ được sử dụng dưới sự giám sát của nhân viên y tế.

²⁸ Điều 3.3 Nghị định 15 định nghĩa “thực phẩm cho chế độ ăn đặc biệt” là thực phẩm dùng cho người ăn kiêng, người già và các đối tượng đặc biệt khác theo quy định của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (CODEX) được chế biến hoặc phối trộn nhằm đáp ứng các yêu cầu về chế độ ăn đặc thù theo thể trạng hoặc tình trạng bệnh lý và các rối loạn cụ thể của người sử dụng

²⁹ LATTP định nghĩa “phụ gia thực phẩm” là chất có hoặc không có giá trị dinh dưỡng, được chủ định thêm vào thực phẩm trong quá trình sản xuất để lưu giữ hoặc nâng cao tính chất của thực phẩm.

³⁰ Danh sách phụ gia thực phẩm được cho phép sử dụng được cung cấp bởi Thông tư Bộ Y tế số 28/2021/TT-BYT ngày 20 tháng 12 năm 2021.

- (iii). Phiếu Kiểm nghiệm;
- (iv). Bằng chứng khoa học đã công bố chứng minh tác dụng của sản phẩm hoặc của công thức sản phẩm;
- (v). Giấy chứng nhận đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định của Thực hành Sản xuất Tốt (“GMP”). Một chứng nhận tương đương có thể được thay thế trong trường hợp sản phẩm là thực phẩm bảo vệ sức khỏe được nhập khẩu. Quy định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2019; và
- (vi). Giấy chứng đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm, nếu sản phẩm được sản xuất trong nước.

Trong vòng 21 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ đến cơ quan thẩm quyền đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe và 7 ngày đối với một số chất phụ gia thực phẩm hỗn hợp, cơ quan chức năng thẩm định hồ sơ và cấp biên nhận phù hợp.

GHI NHÃN

Nghị định 43/2017/ND-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 4 năm 2017 về Ghi nhãn Hàng hóa (“**Nghị định 43**”) và Nghị định 111/2021/ND-CP của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43 về nhãn hàng hóa (“**Nghị định 111**”) đã có một số thay đổi đáng kể so với quy định trước về nhãn hàng hóa. Nghị định 43 và Nghị định 113 áp dụng cho hàng hóa lưu hành ở Việt Nam, bao gồm hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu và sản xuất trong nước.³¹

Nhãn hàng hóa được định nghĩa là “bản viết, bản in, bản vẽ, bản chụp của chữ, hình vẽ, hình ảnh được dán, in, đính, đúc, chạm, khắc trực tiếp trên hàng hóa hoặc bao bì của hàng hóa để thể hiện thông tin cần thiết và quan trọng về hàng hóa”.³² Thêm vào đó, việc ghi nhãn hàng hóa được định nghĩa là “việc ghi nhận các thông tin quan trọng và cần thiết về hàng hóa để khách hàng nhận biết hàng hóa và có cơ sở để chọn lựa, tiêu dùng và sử dụng hàng hóa. Nhà sản xuất và kinh doanh có thể sử dụng nhãn hàng hóa để cung cấp thông tin về hàng hóa và quảng cáo hàng hóa của họ. Nhãn hàng hóa cũng cho phép các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm tra và giám sát”.³³

Nghị định 43 yêu cầu thực phẩm lưu hành nội địa, bao gồm cả thực phẩm nhập khẩu, phải có nhãn hàng hoá, ngoại trừ thực phẩm tươi sống và thực phẩm đã qua chế biến không đóng gói và bán trực tiếp cho người tiêu dùng.³⁴ Nhãn hàng hóa có thể bao gồm thông tin bắt buộc và thông tin không bắt buộc. Nội dung bắt buộc là bắt buộc và chứa thông tin quan trọng nhất. Quy định về nội dung bắt buộc cho nhãn hàng hóa lưu hành trong nước, dù sản xuất tại Việt Nam hoặc nhập khẩu vào Việt Nam, được quy định trong Nghị định 43.. Ngoài ra, BKHCN đã ban hành Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 06 năm 2019 hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định 43 (“**Thông tư 05**”) và quy định cụ thể về việc ghi thông tin bắt buộc của một số nhãn hàng hóa nhất định.. Chi tiết xem Phụ lục được đính kèm.

Nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng bao gồm:

- Tên hàng hóa: Nhà sản xuất hoặc kinh doanh hàng hóa có thể chọn tên hàng hóa, miễn là tên không làm cho khách hàng hiểu sai lệch về bản chất và công dụng của hàng hóa. Nhà sản xuất hoặc kinh doanh chịu trách nhiệm đối với tên hàng hóa họ chọn. Tên sản phẩm hoặc hàng hóa phải rõ ràng, nổi bật, được ghi trên nhãn hàng hóa và phải lớn hơn các nội dung bắt buộc khác trên nhãn hàng.³⁵
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, lắp ráp hoặc hoàn thiện hàng hóa.³⁶

³¹ Nghị định 111, Điều 1.1

³² Nghị định 43, Điều 3.1.

³³ Nghị định 43, Điều 3.2.

³⁴ Nghị định 111, Điều 1 (dd).

³⁵ Nghị định 43, Điều 11.

³⁶ Nghị định 43, điều 11.3 và Nghị định 111, điều 1.6.

- Nước xuất xứ (áp dụng cho cả hàng hoá nhập khẩu và sản xuất trong nước).³⁷

Nhãn Thực phẩm phải có những nội dung bổ sung sau đây:

- Định lượng³⁸ bằng các đại lượng đo lường được công nhận bởi luật Việt nam. Những đại lượng này được miêu tả trong phụ lục II của Nghị định 111;
- Danh mục các thành phần của thực phẩm ghi theo thứ tự từ cao đến thấp về khối lượng.³⁹ Nếu một thành phần có chứa chất bảo quản, được sử dụng theo liều lượng quy định, mà có thể gây kích ứng, hoặc có thể nguy hại đến con người, động vật và môi trường, thì tên của các chất bảo quản này phải được đưa vào cùng với tên của các thành phần này.⁴⁰
- Thông số kỹ thuật và cảnh báo: Nếu thực phẩm được ghi nhãn có giá trị dinh dưỡng, thì nhãn hàng hóa phải thể hiện khoảng giá trị dinh dưỡng theo quy định pháp luật có liên quan và tiêu chuẩn công bố áp dụng. Giá trị trung bình có thể được sử dụng thay thế.⁴¹
- Ngày sản xuất, ngày hết hạn sử dụng, và thời hạn sử dụng của hàng hóa;⁴² và
- Hướng dẫn sử dụng và bảo quản.⁴³

Nghị định 43 yêu cầu tất cả ký tự, chữ số, tranh vẽ, hình ảnh, dấu hiệu, và/ hoặc nhãn hiệu mà xuất hiện trên nhãn hàng hóa phải rõ ràng và phải phản ánh chính xác tính chất của hàng hóa. Chúng không được mơ hồ hoặc gây nhầm lẫn với các sản phẩm khác. Nhãn hàng hoá không được hiển thị rõ ràng có thể bị xem là một vi phạm hành chính. Thông tư 05 ban hành hướng dẫn chi tiết về nội dung bắt buộc trên nhãn hàng hóa. Cụ thể, nội dung bắt buộc phải ghi trên nhãn hàng hóa không cần thể hiện tập trung trên nhãn và có thể ghi trên vị trí khác của hàng hóa miễn là khi quan sát có thể nhận biết được dễ dàng, đầy đủ mà không phải tháo rời các phần của hàng hóa. Những nội dung bắt buộc đó tạo thành một phần không thể tách rời của nhãn hàng hóa.

Màu sắc của các nội dung bắt buộc phải tương phản với màu nền của nhãn hàng hoá.⁴⁴ Hàng hóa được phân phối tại Việt Nam phải được ghi nhãn bằng tiếng Việt, ngoại trừ các nội dung có chữ gốc Latin.⁴⁵ Tuy nhiên, tùy thuộc vào yêu cầu cho từng loại hàng hóa, một ngôn ngữ nước ngoài có thể được thêm vào nhưng kích thước phải bằng hoặc nhỏ hơn kích thước chữ của nội dung ghi bằng tiếng Việt.⁴⁶

³⁷ Nghị định 43, điều 11.3 và Nghị định 111, điều 1.6.

³⁸ Nghị định 111, Phụ lục I, mục 1-11, trừ mục 8.

³⁹ Nghị định 111, điều 1.8.

⁴⁰ Nghị định 43, điều 17.6.

⁴¹ Nghị định 43, điều 17.5.

⁴² Nghị định 43, điều 14 và Phụ lục III.

⁴³ Nghị định 111, Phụ lục I, mục 2.e, 3.dd, 6.e, 7.d, 9.dd, 10.d, 11.dd.

⁴⁴ Nghị định 43, điều 6.

⁴⁵ Nghị định 43, điều 7.

⁴⁶ Nghị định 43, điều 7.2

Tiếng Việt phải xuất hiện trên hàng hóa nhập khẩu hoặc trên nhãn hàng hoá gốc hoặc trên nhãn hàng hoá phụ. Nhãn hàng hóa bằng tiếng Việt phải được gắn vào hàng hoá trước khi bán hoặc phân phối.⁴⁷

Cá nhân hoặc tổ chức chịu trách nhiệm ghi nhãn hàng hóa tự xác định kích thước của nhãn hàng hóa và kích cỡ chữ. Chúng phải đủ lớn để tất cả nội dung bắt buộc được hiển thị rõ ràng.

Theo Nghị định 43, Nghị định 15 và Nghị định 111, ngoài những nội dung bắt buộc nêu trên, một số loại thực phẩm riêng biệt phải có thông tin cụ thể trên nhãn hàng hóa của chúng:

- Thực phẩm bảo vệ sức khỏe: nhãn hàng hóa phải thể hiện mọi cảnh báo nguy cơ rủi ro, cụm từ “thực phẩm bảo vệ sức khỏe” và khuyến cáo “Thực phẩm này không phải là thuốc và không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh”.⁴⁸
- Thực phẩm đã qua chiếu xạ: Cảnh báo và phải thể hiện cụm từ “thực phẩm đã qua chiếu xạ”.⁴⁹
- Thực phẩm biến đổi gen: Ghi nhãn “Thực phẩm biến đổi gen” hoặc “biến đổi gen” bên cạnh tên và nội dung của thành phần bị biến đổi gen.⁵⁰
- Rượu: Nhãn hàng hóa phải chỉ ra thành phần của rượu (ethanol) và tất cả số lô sản xuất (nếu có).⁵¹
- Phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến: Nhãn hàng hóa phải chỉ ra chủng loại, tên và Mã Hệ thống Đánh số Quốc tế (INS) (nếu có); chất phụ gia là hương liệu, chất tạo ngọt hoặc chất tạo màu phải được hiển thị là chất “tự nhiên”, “giống tự nhiên”, “tổng hợp” hay “nhân tạo”.⁵² Cụm từ “phụ gia thực phẩm” và những cảnh báo thích hợp cũng phải được thể hiện đối với phụ gia thực phẩm. Ngoài ra, cụm từ “Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm” và những cảnh báo thích hợp cũng phải được thể hiện đối với nhóm chất hỗ trợ chế biến thực phẩm;⁵³
- Vi chất dinh dưỡng: nhãn hàng hoá phải ghi rõ “Dùng cho thực phẩm”⁵⁴
- Thực phẩm dinh dưỡng y học: nhãn hàng hóa phải thể hiện cụm từ “Thực phẩm dinh dưỡng y học” và “Sử dụng cho các bệnh nhân với sự giám sát của nhân viên y tế”.⁵⁵

⁴⁷ Nghị định 43, điều 7.3.

⁴⁸ Nghị định 111, Phụ lục I, mục 3.

⁴⁹ Nghị định 111, Phụ lục I, mục 4.

⁵⁰ Nghị định 111, Phụ lục I, mục 5.

⁵¹ Nghị định 111, Phụ lục I, mục 7.

⁵² Nghị định 43, mục 16.3 (a).

⁵³ Nghị định 111, Phụ lục I, mục 9.

⁵⁴ Nghị định 111, Phụ lục I, mục 10.

⁵⁵ Nghị định 15, điều 3.3 và điều 24.

- Thực phẩm cho chế độ ăn đặc biệt: nhãn phải ghi rõ “Sản phẩm dinh dưỡng (cho các đối tượng cụ thể, ví dụ người ăn kiêng, người già và các đối tượng đặc biệt khác theo quy định của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế)”.⁵⁶

Các nội dung không bắt buộc có thể xuất hiện trên nhãn thực phẩm, nhưng không được trái với quy định ghi nhãn bắt buộc đề cập bên trên. Nội dung không bắt buộc có thể là: số lượng và mã vạch được cấp bởi các tổ chức mã vạch và đánh số quốc gia; nhãn hiệu được bảo hộ, huy chương, chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế của sản phẩm, số sê-ri của lô hàng sản xuất, dấu hiệu quốc tế được sử dụng cho vận chuyển, sử dụng, và lưu trữ, thông tin tiếng nước ngoài, và thông tin quảng cáo sản phẩm.

Những thay đổi thực hiện với nhãn thực phẩm đã đăng ký hoặc hết hạn mà không có sự phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền đều bị nghiêm cấm.

⁵⁶ *Như trên*

QUẢNG CÁO

Luật Quảng cáo Số 16/2012/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 6 năm 2012 (“**Luật Quảng cáo**”), Nghị định số 181/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 11 năm 2013 (“**Nghị định 181**”)⁵⁷; và Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (“**BVHTTDL**”) ngày 06 tháng 12 năm 2013 (“**Thông tư 10**”)⁵⁸ quy định tổng quát về quảng cáo. Nội dung quảng cáo đối với bất kỳ hàng hóa nào, bao gồm các sản phẩm thực phẩm, phải chính xác và trung thực, và phải thể hiện chính xác hình thức, chất lượng, công dụng, nhãn hiệu, kiểu dáng, chủng loại, bao bì, xuất xứ, ngày sử dụng, thời hạn bảo quản, và thời hạn bảo hành của hàng hóa. Quảng cáo phải phù hợp với nhãn thực phẩm và tiêu chuẩn chất lượng mà nhà sản xuất đã công bố hoặc đăng ký với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.⁵⁹

Quảng cáo thuốc lá, rượu (nồng độ cồn từ 15% trở lên); các sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ dùng cho trẻ dưới 24 tháng tuổi, các sản phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho trẻ dưới 6 tháng tuổi, và bình bú và vú ngậm nhân tạo; thuốc kê đơn hoặc không kê đơn trong đó việc sử dụng bị hạn chế hoặc phải có sự giám sát của bác sĩ; các sản phẩm có tính chất kích dục, súng ngắn và đạn súng ngắn, súng trường thể thao và các sản phẩm có tính chất kích động bạo lực đều bị cấm.⁶⁰ Liên quan đến vấn đề này, trường hợp quảng cáo một số sản phẩm, như sản phẩm băng vệ sinh và bao cao su, có thể bị xem là không phù hợp để quảng cáo nơi công cộng, và sẽ không được chấp thuận. Ngoài ra, quảng cáo thể hiện thông tin không đúng hoặc gây nhầm lẫn về khả năng kinh doanh hoặc khả năng cung cấp sản phẩm của tổ chức/cá nhân kinh doanh khác, hoặc về số lượng, chất lượng, giá cả, công dụng, kiểu dáng, bao bì, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại, phương thức phục vụ hoặc thời hạn bảo hành của sản phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ đã được đăng ký hoặc công bố, đều bị cấm.⁶¹

Nhà sản xuất nước ngoài không có cơ sở kinh doanh tại Việt Nam chỉ có thể quảng cáo thông qua một đơn vị kinh doanh dịch vụ quảng cáo tại Việt Nam.⁶²

Ngoài ra, theo Điều 5 và Điều 12 của Nghị định 181, nội dung quảng cáo của tất cả các sản phẩm thực phẩm và phụ gia thực phẩm phải được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền như Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Công thương tùy thuộc vào từng loại thực phẩm. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo đầy đủ và hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phải cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo. Điều kiện và thủ tục xác nhận nội dung quảng cáo phải tuân thủ Thông tư 09/2015/TT-BYT của BYT ngày 25 tháng 5 năm 2015. Nghị định 15 yêu cầu các nhà sản xuất và kinh doanh phải

⁵⁷ Nghị định 181 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quảng cáo, được sửa đổi bởi Nghị định 70/2021/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2021.

⁵⁸ Thông tư 10 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quảng cáo và Nghị định 181 về các văn bản pháp lý, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thẩm định các Sản phẩm được Quảng cáo và phân công quản lý nhà nước về quảng cáo.

⁵⁹ Luật Quảng cáo, điều 8.9.

⁶⁰ Luật Quảng cáo, điều 7.

⁶¹ *Như trên*, điều 8.9.

⁶² *Như trên*, điều 39.

đăng ký với cơ quan có thẩm quyền nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm cho chế độ ăn đặc biệt và các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, (với điều kiện sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ dưới 36 tháng tuổi này không bị cấm quảng cáo).⁶³

Thêm vào đó, theo Thông tư 10 và Điều 8.11 của Luật Quảng cáo, một mẫu quảng cáo có chứa từ/cụm từ như “duy nhất”, “tốt nhất”, “nhất”, “số một” hoặc tương tự phải được chứng minh bằng một tài liệu hợp pháp. Tài liệu này có thể là một báo cáo nghiên cứu thị trường do một tổ chức nghiên cứu thị trường đủ tiêu chuẩn chuẩn bị hoặc một chứng nhận hoặc tài liệu tương tự, được cấp bởi tổ chức một cuộc thi/triển lãm trong phạm vi khu vực hoặc quốc gia, chứng nhận rằng sản phẩm trong mẫu quảng cáo là “duy nhất”, “tốt nhất”, “nhất”, “số một” hoặc tương tự. Tài liệu chỉ có hiệu lực trong thời hạn một năm kể từ ngày được cấp.

Vào ngày 29 tháng 03 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định 38/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo (“**Nghị định 38**”). Nghị định 38 quy định biện pháp xử phạt hành chính từ 5 triệu đồng đến 30 triệu đồng đối với hành vi vi phạm quy định liên quan đến quảng cáo thực phẩm và chất phụ gia thực phẩm. Ngoài biện pháp xử phạt bằng tiền, một số biện pháp xử phạt bổ sung khác cũng được áp dụng.⁶⁴

⁶³ Nghị định 15, Chương VIII.

⁶⁴ Nghị định 38, điều 52.

THU HỒI

Theo Nghị định số 119/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01 tháng 11 năm 2017 (“**Nghị định 119**”) về Xử phạt Vi phạm Hành chính đối với các Vi phạm về Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng Sản phẩm và Hàng hóa, được sửa đổi bởi Nghị định 126/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 12 năm 2021 (“**Nghị định 126**”), các hàng hóa sau đây sẽ bị thu hồi:

- Hàng hóa nhập khẩu hoặc sản xuất có chất lượng không phù hợp với giấy chứng nhận hợp chuẩn hoặc lưu thông hàng hoá không an toàn cho người tiêu dùng;⁶⁵
- Hàng hóa vi phạm các quy chuẩn kỹ thuật áp dụng;⁶⁶
- Hàng hóa lưu thông vi phạm bất kỳ tiêu chuẩn chất lượng nào;⁶⁷
- Hàng hóa vi phạm quy định về ghi nhãn hàng hóa;⁶⁸
- Hàng hóa có mã số và mã vạch có chứa mã quốc gia Việt Nam (893), nhưng việc sử dụng mã đó không được phép; hàng hóa sử dụng mã số đã bị thu hồi; và hàng hóa sử dụng mã số được mua từ một tổ chức khác;⁶⁹
- Hàng hoá có mã số nước ngoài được sản xuất, gia công, đóng gói, sang chiết tại Việt Nam chỉ để xuất khẩu nếu việc sử dụng mã số đó chưa được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc chủ sở hữu nước ngoài của mã số đó cho phép; hàng hóa có các dấu hiệu có thể gây nhầm lẫn với mã số hoặc mã vạch của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và GS1 (Tổ chức mã số và mã vạch quốc tế).⁷⁰

Điều 55 của LATTP yêu cầu thu hồi các loại thực phẩm sau đây:

- Thực phẩm hết hạn đang lưu thông;
- Thực phẩm không phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật áp dụng;
- Thực phẩm được tạo ra từ công nghệ mới mà không được phép lưu thông;
- Thực phẩm bị hư hỏng;
- Thực phẩm làm từ chất bị cấm hoặc thực phẩm có chứa các tác nhân gây ô nhiễm vượt mức giới hạn cho phép;

⁶⁵ Nghị định 119, điều 18.5 (được sửa đổi bởi Nghị định 126, điều 2.32.c)

⁶⁶ Nghị định 119, điều 19.6 (được sửa đổi bởi Nghị định 126, điều 2.33.a và điều 2.33.d)

⁶⁷ Nghị định 119, điều 20.9 (được sửa đổi bởi Nghị định 126, điều 2.37).

⁶⁸ Nghị định 119, điều 30.3 (được sửa đổi bởi Nghị định 126, điều 2.47).

⁶⁹ Nghị định 119, điều 32.6 (được sửa đổi bởi Nghị định 126, điều 2.59)

⁷⁰ Nghị định 119, điều 32.6 (được sửa đổi bởi Nghị định 126, điều 2.59)

- Thực phẩm nhập khẩu có chứa các tác nhân gây ô nhiễm có thể gây hại cho con người và đã được nước xuất khẩu, nước khác, hoặc bất kỳ tổ chức quốc tế nào thông báo công khai là có hại.

Điều 55 cũng trình bày về các hình thức thu hồi, việc xử lý các sản phẩm thực phẩm bị thu hồi, và trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức, và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc thu hồi.

Theo Điều 22 của Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng,⁷¹ trong trường hợp sản phẩm bị lỗi, tổ chức hoặc cá nhân kinh doanh có trách nhiệm phải thông báo công khai việc thu hồi sản phẩm bị lỗi trong năm số liên tiếp tại một tờ nhật báo trung ương hoặc thông tin về việc thu hồi phải được phát sóng trên đài phát thanh trung ương hoặc đài truyền hình trung ương trong năm ngày liên tiếp. Thông báo phải bao gồm:

- Mô tả về sản phẩm sẽ bị thu hồi;
- Lý do thu hồi và cảnh báo về tổn thương có thể gây ra bởi sản phẩm bị lỗi;
- Thời gian, địa điểm, và hình thức thu hồi;
- Thời gian và phương thức sửa chữa lỗi; và
- Các biện pháp cần được thực hiện để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Kết quả của việc thu hồi phải được báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh hoặc trung ương.

⁷¹ Luật Số 59/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng.

KIỂM TRA

Theo Nghị định 15, việc kiểm tra thực phẩm được thực hiện bởi BYT, BNNPTNT, và BCT. Chính phủ phân công một số cơ quan chính phủ có nhiệm vụ thực hiện kiểm tra an toàn thực phẩm. Nhà nước đã ban hành Nghị định 122⁷²; trong đó quy định BYT chịu trách nhiệm kiểm tra các sản phẩm thực phẩm.

Một cách tổng quát, việc kiểm tra an toàn thực phẩm được thực hiện bởi tổ thanh tra hoặc thanh tra viên. Tổ hoặc cá nhân được giao nhiệm vụ: (1) thanh tra việc tuân thủ pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật, an toàn thực phẩm, quảng cáo và ghi nhãn, và chứng nhận hợp quy, (2) áp dụng biện pháp xử phạt, và (3) áp dụng hoặc đề xuất, phù hợp với thẩm quyền của mình, các biện pháp ngăn chặn hoặc chấm dứt vi phạm. Ngoài ra, BYT có thể tiến hành kiểm tra đột xuất đối với toàn bộ quá trình sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu cũng như kinh doanh thực phẩm trong một số trường hợp được quy định tại Điều 16 Nghị định 122.⁷³

Nội dung và kết luận của việc kiểm tra và tất cả các khuyến nghị được đưa ra tại báo cáo thanh tra. Báo cáo thanh tra là tài liệu chính để giải quyết các vấn đề an toàn thực phẩm. LCLSPHH quy định các tổ chức và cá nhân có thể khiếu nại với các cơ quan nhà nước về quyết định hành chính hoặc hành vi của cơ quan nhà nước hoặc viên chức mà họ cho là trái pháp luật và/hoặc vi phạm quyền và lợi ích của họ.⁷⁴

⁷² Nghị định Số 122/2014/NĐ-CP của BYT ngày 25 tháng 12 năm 2014 về thanh tra y tế (“**Nghị định 122**”), điều 2 và điều 16.2.

⁷³ *Như trên*, điều 16

⁷⁴ LCLSPHH, điều 64.1.

CÁC YÊU CẦU VỀ NHẬP KHẨU

Tất cả các hàng hoá nhập khẩu đều phải tuân thủ các quy định được mô tả ở trên. Thực phẩm nhập khẩu vào Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện đảm bảo an toàn bổ sung sau đây:⁷⁵

- bản công bố hợp quy về quy chuẩn kỹ thuật phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi thực phẩm được nhập khẩu;
- nhà nhập khẩu thực phẩm phải được cấp thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu do cơ quan kiểm định được chỉ định cấp cho từng lô hàng theo quy định của bộ chuyên ngành liên quan;

Ngoài các điều kiện này, việc nhập khẩu thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm biến đổi gen, và thực phẩm đã qua chiếu xạ phải kèm theo giấy chứng nhận lưu hành tự do hoặc giấy chứng nhận y tế.

Thực phẩm nhập khẩu được miễn kiểm tra Nhà nước vì mục đích an toàn trong các trường hợp sau đây:⁷⁶

- Các sản phẩm đã được cấp Giấy tiếp nhận Đăng ký Công bố Sản phẩm;
- Quà biếu trong định mức miễn thuế nhập khẩu;
- Thực phẩm dùng cho nhu cầu riêng của người được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao;
- Thực phẩm quá cảnh, chuyển khẩu, và trung chuyển; thực phẩm tạm nhập, tái xuất; thực phẩm gửi kho ngoại quan;
- Thực phẩm được sử dụng làm mẫu thử nghiệm và nghiên cứu có số lượng phù hợp với mục đích thử nghiệm và nghiên cứu, có xác nhận phù hợp từ tổ chức và cá nhân;
- Thực phẩm được sử dụng làm mẫu để trưng bày hội chợ hoặc triển lãm;
- Sản phẩm, nguyên liệu sản xuất, nhập khẩu chỉ dùng để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu hoặc phục vụ cho việc sản xuất nội bộ của các tổ chức và cá nhân mà không tiêu thụ tại thị trường trong nước;
- Thực phẩm tạm nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế;
- Hàng hóa nhập khẩu phục vụ yêu cầu khẩn cấp theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

⁷⁵ LATTP, điều 38.

⁷⁶ Nghị định 15, điều 13, được sửa đổi bởi Nghị định 85/2019/ND-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 11 năm 2019.

Mức kiểm tra giảm (“**Kiểm tra Giảm**”) được áp dụng đối với các sản phẩm sau đây:⁷⁷

- Thực phẩm nhập khẩu từ các quốc gia đã ký kết các điều ước quốc tế thừa nhận lẫn nhau về chứng nhận an toàn thực phẩm với Việt Nam có đủ điều kiện để được giảm mức độ kiểm tra;
- Thực phẩm đã đáp ứng các yêu cầu nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường ba lần liên tiếp trong vòng 12 tháng; hoặc
- Thực phẩm được sản xuất trong các cơ sở áp dụng một trong các hệ thống quản lý chất lượng: GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRCGS, FSSC 22000 hoặc tương đương.

Mức độ kiểm tra chặt (“**Kiểm tra Chặt**”) áp dụng đối với các trường hợp sau đây:⁷⁸

- Thực phẩm không đạt yêu cầu trong lần kiểm tra trước đó;
- Thực phẩm không đạt yêu cầu trong bất kỳ lần kiểm tra Nhà nước nào; hoặc
- Có cảnh báo của BYT, BNNPTNT, BCT, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh hoặc của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài hoặc của nhà sản xuất.

Kiểm tra

Nghị định 15 sửa đổi các phương thức kiểm tra đối với thực phẩm nhập khẩu. Một lô hàng, theo định nghĩa tại điều 3 của Nghị định 15, có thể chỉ có một mặt hàng hoặc nhiều mặt hàng. Trong trường hợp lô hàng có nhiều loại mặt hàng khác nhau, việc kiểm tra sẽ thực hiện theo từng mặt hàng mà không áp dụng cho toàn bộ lô hàng.⁷⁹

Kiểm tra Giảm

Khi làm thủ tục hải quan, chủ hàng có trách nhiệm nộp hồ sơ, bao gồm các tài liệu sau đây:⁸⁰

- (i). Bản tự công bố sản phẩm;
- (ii). Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm nhập khẩu đạt yêu cầu nhập khẩu ba lần liên tiếp theo phương thức kiểm tra thông thường, hoặc bản hợp pháp hóa lãnh sự một trong các Giấy chứng nhận GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRC, FSSC 22000 hoặc tài liệu tương đương còn hiệu lực;

⁷⁷ Nghị định 15, điều 17.1.

⁷⁸ Nghị định 15, điều 17.3.

⁷⁹ Công Văn số 114/ATTP-PCTTR của Cục An Toàn Thực Phẩm ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc trả lời kiến nghị liên quan đến Nghị định 15

⁸⁰ Nghị định 15, điều 18.1.

(iii). Giấy chứng nhận đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp.

Cơ quan hải quan có thể kiểm tra ngẫu nhiên 5% trên tổng số lô hàng.

Kiểm tra Thông thường

Sau khi lô hàng đến cửa khẩu hải quan, chủ hàng phải nộp hồ sơ đến cơ quan kiểm tra nhà nước hoặc qua cổng thông tin. Hồ sơ phải bao gồm các tài liệu sau:⁸¹

- (i). Bản tự công bố sản phẩm;
- (ii). Giấy đăng ký kiểm tra theo mẫu quy định tại Nghị định 15;
- (iii). Danh sách đóng gói;
- (iv). Thông báo sản phẩm nhập khẩu đạt yêu cầu nhập khẩu ba lần liên tiếp theo phương thức kiểm tra chặt đối với các sản phẩm được chuyển đổi phương thức từ kiểm tra chặt sang kiểm tra thông thường.

Trong thời hạn ba ngày làm việc, cơ quan kiểm tra nhà nước sẽ kiểm tra hồ sơ và ra thông báo thực phẩm đáp ứng hoặc không đáp ứng các yêu cầu nhập khẩu. Chủ của các lô hàng đạt yêu cầu nhập khẩu sẽ nộp một thông báo cho cơ quan hải quan về việc thực phẩm đáp ứng các yêu cầu nhập khẩu.

Kiểm tra Chặt

Kiểm tra Chặt yêu cầu phải có hồ sơ giống như kiểm tra thông thường nhưng thời gian kiểm hồ sơ là bảy ngày thay vì ba ngày.⁸² Trong thời gian kiểm tra, cơ quan kiểm tra nhà nước sẽ lấy mẫu và kiểm tra mẫu theo các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

Thực phẩm không đáp ứng các yêu cầu nhập khẩu phải được xử lý theo các phương pháp được quy định tại Nghị định 15, cụ thể là tái xuất, tiêu hủy hoặc chuyển mục đích sử dụng. Kết quả xử lý lô hàng phải được nộp cho cơ quan kiểm tra nhà nước.

Cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam có thể lập kế hoạch và hợp tác với cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu để kiểm tra hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm tại nước xuất khẩu và các cơ sở địa phương sản xuất và xuất khẩu thực phẩm vào Việt Nam.

⁸¹ Nghị định 15, điều 18.2.

⁸² Nghị định 15, điều 18.2, điều 19.2 và điều 19.3.

CÁC YÊU CẦU VỀ XUẤT KHẨU

Một cách tổng quát, không có yêu cầu cụ thể đối với việc xuất khẩu các sản phẩm thực phẩm. Về nguyên tắc, người mua sản phẩm thực phẩm ở nước ngoài đặt ra các tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn hoặc vệ sinh mà các sản phẩm thực phẩm phải tuân thủ.

Trong thực tế, người mua nước ngoài thường yêu cầu nhà xuất khẩu thực phẩm phải tuân thủ các quy định của Tổ chức về Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (“ISO”). Ngoài ra, các sản phẩm thực phẩm phải tuân theo HACCP, đây là tiêu chuẩn quốc tế về vệ sinh và an toàn. Nguyên tắc của HACCP là xác định và cách ly các yếu tố quan trọng trong quá trình sản xuất có thể gây nguy cơ về an toàn thực phẩm. Các nhà chế biến chịu trách nhiệm sản xuất thực phẩm an toàn, có thể bán trên thị trường, và các nhà xuất khẩu thực phẩm chịu trách nhiệm cung cấp thực phẩm an toàn theo HACCP.

Ngoài ra, người mua nước ngoài có thể yêu cầu Giấy chứng nhận Lưu hành Tự do (“CFS”), Giấy chứng nhận y tế (“HC”)⁸³ đối với các sản phẩm thực phẩm dành cho xuất khẩu dựa vào những quy định của nước nhập khẩu. Trong trường hợp đó, tùy thuộc vào mặt hàng thực phẩm xuất khẩu, nhà xuất khẩu thực phẩm phải đề nghị BYT cấp CFS hoặc BNNPTNT hoặc BCT; và HC từ BYT,

Các điều kiện đề nghị cấp CFS được quy định tại Nghị định 69/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật quản lý Ngoại thương (“**Nghị định 69**”)⁸⁴ CFS được cấp cho nhà xuất khẩu sau ba ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hoàn chỉnh. Nếu từ chối cấp CFS, BYT sẽ trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối. Nếu nước nhập khẩu yêu cầu nhà nhập khẩu nộp CFS theo hình thức được quy định bởi pháp luật của nước này, cơ quan có thẩm quyền cấp CFS phải cấp CFS theo hình thức được yêu cầu. CFS có hiệu lực trong hai năm kể từ ngày cấp.

Điều kiện cấp HC được quy định tại Thông tư 52.⁸⁵ Nhà xuất khẩu phải nộp hồ sơ đến BYT. Hồ sơ đăng ký bao gồm những đơn đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 48 và Phụ lục 10 của Thông tư 52 và Biên nhận Công bố Sản phẩm.⁸⁶ HC được cấp cho nhà xuất khẩu sau năm ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hoàn chỉnh. Nếu từ chối cấp HC, BYT sẽ trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối. HC có hiệu lực trong hai năm kể từ ngày cấp. Hiệu lực của HC không được vượt quá ngày hết hạn của Biên nhận Công bố Sản phẩm. Các yêu cầu xuất khẩu liên quan đến thực phẩm về cơ bản thường giống như các yêu cầu được thảo luận trong phần “**CÁC YÊU CẦU VỀ NHẬP KHẨU**”

⁸³ LATTP, điều 42.

⁸⁴ Nghị định 69, điều 11.

⁸⁵ Thông tư 52/2012/TT-BYT của BYT ngày 21/12/2015 (“**Thông tư 05**”).

⁸⁶ Xem phần “An toàn thực phẩm”, trang 6.

THỦY SẢN

Theo Luật thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 12 năm 2017 (“**Luật Thủy sản**”) và Nghị định 26/2019/ND-CP của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật thủy sản vào ngày 08 tháng 03 năm 2019 (“**Nghị định 26**”), thuật ngữ “Thủy sản” bao gồm động vật và thực vật thủy sinh, sản phẩm từ động vật và thực vật thủy sinh, thức ăn cho động thực vật thủy sinh và sinh vật biển, sản phẩm bảo vệ thực vật thủy sinh (ví dụ: hóa chất), thuốc thú y cho thủy sinh, lưới đánh cá và các thiết bị khác.

Các đối tượng liên quan đến việc kinh doanh hoặc sản xuất thủy sản dưới sự quản lý của BNNPTNT⁸⁷ phải tuân thủ các quy định về kiểm tra và chứng nhận để đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn về vệ sinh và an toàn thực phẩm, trừ những cơ sở sau:⁸⁸

- Sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định, tàu cá có chiều dài dưới 15 mét;
- Sơ chế nhỏ lẻ; Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ;
- Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn;
- Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực.
- Cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản có xuất khẩu sang các quốc gia, vùng lãnh thổ có yêu cầu chứng nhận y tế (chứng thư, chứng nhận an toàn thực phẩm) bởi cơ quan có thẩm quyền thuộc BNNPTNT theo quy định của BNNPTNT.

⁸⁷ Bộ NNPTNT có trách nhiệm phối hợp quản lý nhà nước đối với sản phẩm thủy sản và một số sản phẩm khác được liệt kê trong Phụ lục III của Nghị định 15. Xem Nghị định 15, Chương XII, điều 38.

⁸⁸ Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 quy định việc đánh giá, xác nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ NN & PTNT (“**Thông tư 38**”), điều 2. Thông tư 38 thay thế Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ NNPTNT về Kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng nông sản và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Kiểm tra và Chứng nhận Cơ sở Nuôi trồng Thủy sản

Cơ quan kiểm tra và chứng nhận tại địa phương, cùng với Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản chịu trách nhiệm kiểm tra và chứng nhận các cơ sở.⁸⁹ Có hai hình thức kiểm tra đối với các Cơ sở Nuôi trồng Thủy sản: kiểm tra xếp loại và kiểm tra định kỳ.⁹⁰ Đối với cơ sở sản xuất và kinh doanh thủy sản xuất khẩu, sẽ có quy trình thẩm định cấp giấy chứng nhận cùng hai hình thức kiểm tra, bao gồm kiểm tra chứng nhận và kiểm tra định kỳ để khảo sát các yêu cầu đối với an toàn thực phẩm.⁹¹ Mỗi cơ sở nuôi trồng thủy sản riêng biệt đã được thông qua tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn thực phẩm theo kiểm tra xếp loại được cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm với thời hạn 3 năm.⁹² Cơ sở sản xuất và kinh doanh thủy sản xuất khẩu đã được thông qua tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn theo quy trình thẩm định được cấp mã số đính kèm với giấy chứng nhận an toàn thực phẩm có thời hạn 3 năm.⁹³

Một Cơ sở Nuôi trồng Thủy sản đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn về vệ sinh và an toàn thực phẩm, nhưng vẫn còn một số sai sót nhỏ không ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng và an toàn thực phẩm sẽ được xếp loại là “đạt”.⁹⁴ Một cơ sở chưa đáp ứng các tiêu chuẩn về vệ sinh và an toàn thực phẩm sẽ được xếp loại là “không đạt”.⁹⁵ Cơ sở Nuôi trồng Thủy sản không đạt sẽ bị tái kiểm tra. Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn thực phẩm và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có thể bị thu hồi, và cơ sở có thể bị xử phạt hành chính nếu không đáp ứng các điều kiện trong quy trình tái kiểm tra.

Các cơ sở sẽ được xếp loại A, B, C dựa theo Điều 8 của Thông tư 38. Loại A nghĩa là cơ sở đáp ứng toàn bộ các tiêu chuẩn về vệ sinh và an toàn thực phẩm. Các cơ sở loại B đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn thực phẩm, nhưng có một số ít tiêu chuẩn nhỏ là chưa đạt. Cơ sở loại C không đáp ứng tiêu chuẩn về vệ sinh và an toàn thực phẩm. Chỉ có các cơ sở loại A hoặc loại B là đạt các tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn thực phẩm.⁹⁶

Kiểm tra Nhà nước và Chứng nhận Chất lượng Sản phẩm Thủy sản

Thủy sản, dù được sản xuất cho tiêu dùng trong nước, xuất khẩu, hay nhập khẩu, đều phải tuân thủ các quy định áp dụng đối với việc kiểm tra và chứng nhận vệ sinh và an toàn thực phẩm.⁹⁷ Việc kiểm tra này được thực hiện trên mỗi lô hàng thủy sản và sẽ có một giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm thủy sản được cấp

⁸⁹ Thông tư 38, điều 5 và Thông tư 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 10 năm 2018 sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 11 năm 2013 và Thông tư 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 02 năm 2017 (“**Thông tư 16**”), điều 1.3.

⁹⁰ Thông tư 38, điều 6.

⁹¹ Thông tư 16, điều 2.4..

⁹² Thông tư 38, điều 17.2.

⁹³ Thông tư 16, điều 2.5.

⁹⁴ Thông tư 38, điều 8.1.(b)

⁹⁵ Thông tư 38, điều 8.1.(c).

⁹⁶ Thông tư 38, các điều 8.1.(a) và 8.1.(b).

⁹⁷ Thông tư số 08/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 quy định Giám sát An toàn Thực phẩm Nông, Lâm, Thủy sản (“**Thông tư 08**”), điều 1, Thông tư 48, điều 2.1 (b) và Thông tư 16, điều 1.23(a).

cho từng lô. Mỗi lô hàng thủy sản xuất khẩu sẽ được cấp một Giấy Chứng nhận Y tế.⁹⁸ Không có quy định về số lượng và kích cỡ công-tê-nơ cho thủy sản.

Căn cứ cho việc kiểm tra và chứng nhận thủy sản như sau:

- Việc kiểm tra và chứng nhận thủy sản được sản xuất để tiêu dùng trong nước dựa trên các quy chuẩn kỹ thuật về vệ sinh và an toàn thực phẩm do BNNPTNT và các bộ cũng như cơ quan khác ban hành; và cũng dựa trên công bố chất lượng của các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm (“CSSXKDTP”).
- Việc kiểm tra và chứng nhận thủy sản để xuất khẩu vào một số thị trường nhất định do BNNPTNT giám sát và sẽ yêu cầu kiểm tra định kỳ cho mục đích quản lý; việc kiểm tra và chứng nhận thủy sản được nhập khẩu để chế biến, và thủy sản bị thu hồi hoặc bị hoàn trả từ nước ngoài được căn cứ vào các quy chuẩn kỹ thuật về vệ sinh và an toàn thực phẩm do BNNPTNT và các Bộ cũng như cơ quan khác ban hành.
- Việc kiểm tra và chứng nhận thủy sản để xuất khẩu vào các thị trường có yêu cầu về kiểm tra và chứng nhận vệ sinh và an toàn thực phẩm được thực hiện bởi các cơ quan có thẩm quyền dựa trên các quy định về vệ sinh và an toàn thực phẩm do các nước nhập khẩu ban hành hoặc thông qua.

Theo Thông tư 48, các cơ quan sau đây chịu trách nhiệm về kiểm tra vệ sinh, an toàn, và chứng nhận thủy sản:

- Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản hoặc các cơ quan do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chỉ định để kiểm soát chất lượng, vệ sinh, và an toàn của thủy sản trước khi những sản phẩm này được lưu thông tiêu dùng trong nước. Ngoài ra, Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản có thể tiến hành kiểm tra không báo trước theo phân công của BNNPTNT.⁹⁹
- Cơ quan thuộc sự quản lý của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản sẽ kiểm tra và chứng nhận chất lượng, vệ sinh, và an toàn của thủy sản xuất khẩu và thủy sản bị thu hồi hoặc bị hoàn trả từ nước ngoài. Trong trường hợp thủy sản nhập khẩu để chế biến, nhiệm vụ kiểm tra và chứng nhận này sẽ được thực hiện bởi người được ủy quyền của Cục Thú y.¹⁰⁰

Tuy nhiên, theo Thông tư 16 sửa đổi Thông tư 48, cơ quan quản lý việc kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cũng như kiểm tra và cấp giấy chứng nhận thực phẩm thủy sản xuất khẩu là Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.¹⁰¹

Đối với thủy sản xuất khẩu, CSSXKDTP phải đăng ký kiểm tra bằng cách gửi hồ sơ đăng ký kiểm tra vệ sinh và an toàn thực phẩm đến Cơ quan kiểm tra, trực tiếp, hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử, điện tín (sau đó nộp hồ sơ kèm theo bản

⁹⁸ Thông tư 48, điều 25.

⁹⁹ Thông tư 48, điều 5, được sửa đổi Thông tư 16.

¹⁰⁰ Thông tư 48, điều 5.2, được sửa đổi bởi Thông tư 16.

¹⁰¹ Thông tư 16, điều 1.3.

chính), hoặc đăng ký trực tuyến trên Hệ thống quản lý một cửa quốc gia.¹⁰² Sau khi kiểm tra tại chỗ, các thanh tra viên sẽ cấp giấy chứng nhận y tế cho từng lô hàng của CSSXKDTP đã đáp ứng các yêu cầu bắt buộc.

Công bố Tiêu chuẩn Chất lượng Hàng hóa Thủy sản

Luật Thủy sản và Thông tư 26/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý môi trường thủy sản yêu cầu các nhà sản xuất công bố tiêu chuẩn chất lượng giống thủy sản sản xuất trong nước.¹⁰³ Các nhà nhập khẩu hoặc nhà phân phối phải đăng ký kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu.¹⁰⁴

Yêu cầu về An toàn và Chất lượng đối với Thủy sản Xuất khẩu

Giá trị thủy sản xuất khẩu của Việt Nam đang tăng trưởng đều đặn. Việt Nam là một nhà cung cấp nổi bật. Chính phủ tin rằng vấn đề quan trọng là phải duy trì các tiêu chuẩn thích hợp nhằm đảm bảo chất lượng của thủy sản đến từ Việt Nam.

Trên thực tế, các cơ sở xuất khẩu thủy sản phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm của Việt Nam cũng như các tiêu chuẩn cụ thể được áp dụng đối với thủy sản. Họ cũng phải đáp ứng những yêu cầu của các nước nhập khẩu.¹⁰⁵

Như mọi loại thực phẩm khác, thủy sản phải tuân thủ HACCP. Ngoài ra, thủy sản xuất khẩu phải đáp ứng điều kiện vệ sinh. Điều này đòi hỏi một nhà xuất khẩu phải tuân theo GMP, đó là những yêu cầu cơ bản cho các nhà sản xuất thực phẩm. Các nguyên tắc rất minh bạch và nhằm mục đích ngăn ngừa thực phẩm bẩn vì thực hành sản xuất không hợp vệ sinh. Có một mối quan hệ chặt chẽ giữa HACCP và GMP, đến mức GMP được cho là điều kiện tiên quyết để hướng đến HACCP. Nếu không có GMP, các yếu tố rủi ro sẽ lớn hơn.

Các nhà xuất khẩu Việt Nam cũng phải thiết lập hệ thống kiểm soát chất lượng của riêng mình để đáp ứng với các tiêu chuẩn quốc tế và các yêu cầu của các nước nhập khẩu. Thủy sản xuất khẩu phải tuân thủ Thông tư 48.¹⁰⁶ Chính phủ đã thực hiện các bước đi nhằm khuyến khích các nhà xuất khẩu thủy sản tự nguyện áp dụng HACCP, GMP và các tiêu chuẩn quốc tế khác.

¹⁰² Thông tư 48, điều 28.1 (b).

¹⁰³ Luật Thủy sản, điều 26.2.

¹⁰⁴ *Như trên*, điều 27.

¹⁰⁵ Thông tư 48, các điều 2.1 (b) và 2.2.

¹⁰⁶ *Như trên*, điều 2.

THỰC THI

Tất cả các tổ chức và cá nhân đều có quyền khiếu nại về bất kỳ vi phạm nào liên quan đến chất lượng sản phẩm thực phẩm.¹⁰⁷ Họ có thể khiếu nại về an toàn thực phẩm, chẳng hạn như hành vi sai trái của một viên chức nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện hoặc thi hành pháp luật và các quy định về chất lượng thực phẩm.¹⁰⁸ Các cơ quan nhà nước phải trả lời các khiếu nại đó.¹⁰⁹

Tất cả các cá nhân và tổ chức, kể cả cá nhân và tổ chức nước ngoài, thực hiện hành vi vi phạm hành chính liên quan đến chất lượng hàng hóa sẽ bị xử phạt.¹¹⁰ Bộ luật Dân sự quy định rằng: “cá nhân, pháp nhân, v.v... sản xuất hoặc kinh doanh nếu không đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa và gây thiệt hại cho bất kỳ người tiêu dùng nào thì phải bồi thường” cho người tiêu dùng.¹¹¹ Người được giao nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (như các thanh tra viên (người được giao nhiệm vụ kiểm tra và đang thi hành công vụ), Chánh Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Khoa học và Công nghệ; Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng), chủ tịch Ủy ban nhân dân, công an, Cục Hải quan, cơ quan quản lý thị trường, bộ đội biên phòng, cảnh sát biên và các cơ quan thanh tra chuyên ngành khác có quyền xử lý vi phạm hành chính.¹¹² Khi hành vi vi phạm bị phát hiện, luật pháp cho phép chính phủ linh hoạt trong hình thức và mức độ xử phạt.¹¹³

Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng, một tổ chức hoặc cá nhân có thể phải chịu một hoặc nhiều hình thức xử phạt cụ thể. Một trong các hình thức xử phạt đó là hủy bỏ quyền sử dụng các giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; giấy chứng nhận kiểm định; và vân vân.¹¹⁴

Người vi phạm hành chính có thể bị buộc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: thu hồi số tiền thu được bất hợp pháp từ vi phạm hành chính, thu hồi sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc thu hồi phương tiện đo lường vi phạm tiêu chuẩn, và vân vân¹¹⁵. Ngoài ra, sản phẩm hoặc hàng hóa phải bị tiêu hủy nếu chúng không an toàn cho con người, động vật, thực vật, và môi trường.¹¹⁶

Các cơ quan thực thi đều được hướng dẫn về các biện pháp áp dụng hình thức xử phạt và mức phạt.¹¹⁷ Một cách tổng quát, mức phạt tối đa đối với vi phạm về đo

¹⁰⁷ LCLSPHH, điều 64.

¹⁰⁸ LATTP, điều 7.1 (dd), 8.1 (d) và 9.1 (d).

¹⁰⁹ LCLSPHH, điều 46.4.

¹¹⁰ Nghị định 119, điều 2.

¹¹¹ Bộ luật Dân sự, điều 608.

¹¹² Nghị định 119, các điều 34 đến 41.

¹¹³ *Như trên*, các điều 2 & 3.

¹¹⁴ Nghị định 126/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 12 năm 2021, điều 2.2.

¹¹⁵ *Như trên*, điều 2.3.

¹¹⁶ *Như trên*, điều 20.

¹¹⁷ *Như trên*, Chương II.

lượng là 100 triệu đồng Việt Nam đối với một cá nhân và 200 triệu đồng Việt Nam đối với một tổ chức. Mức phạt tối đa đối với vi phạm tiêu chuẩn hoặc chất lượng sản phẩm và hàng hóa là 150 triệu đồng Việt Nam đối với một cá nhân và 300 triệu đồng Việt Nam đối với một tổ chức¹¹⁸. Có một số ngoại lệ.

Các quy định liệt kê danh sách những tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng cũng như các tình huống không áp dụng hình thức xử phạt. Những quy định này mang tính phổ quát và áp dụng cho các hành vi vi phạm trong nhiều văn bản luật, không chỉ riêng với các vi phạm liên quan đến vấn đề thực phẩm.

Các tình tiết giảm nhẹ bao gồm:¹¹⁹

- Người vi phạm đã cố gắng giảm thiểu thiệt hại của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả và bồi thường cho người bị thiệt hại;
- Người vi phạm tự nguyện khai báo vi phạm của mình hoặc thành thật hối lỗi về hành vi vi phạm;
- Vi phạm diễn ra trong tình trạng bị kích động về tinh thần gây ra bởi hành vi trái pháp luật của người khác;
- Vi phạm vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;
- Vi phạm do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc;
- Người vi phạm là phụ nữ mang thai, người già yếu, người có bệnh hoặc khuyết tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;
- Vi phạm diễn ra vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do người phạm tội gây ra; hoặc
- Vi phạm diễn ra do trình độ nhận thức lạc hậu;

Các tình tiết tăng nặng bao gồm:¹²⁰

- Vi phạm có tổ chức;
- Vi phạm nhiều lần và/hoặc tái phạm;
- Xúi giục, lôi kéo, sử dụng người chưa thành niên vi phạm, hoặc ép buộc người bị lệ thuộc thực hiện hành vi vi phạm;

¹¹⁸ Nghị định 119, điều 3.

¹¹⁹ Luật Số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 về Xử lý Vi phạm Hành chính, điều 9.

¹²⁰ *Như trên*, điều 10.

- Sử dụng người đang có vấn đề về tâm thần hoặc có khả năng nhận thức kém, hoặc mất khả năng điều khiển hành vi của họ;
- Lãng mạ và phỉ báng người đang thi hành công vụ;
- Vi phạm hành chính có tính chất côn đồ;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi vi phạm;
- Người vi phạm lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm hành chính;
- Người vi phạm tiếp tục hành vi vi phạm mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó;
- Vi phạm trong thời gian đang chấp hành hình phạt của bản án hình sự hoặc đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính;
- Người vi phạm cố gắng trốn tránh trách nhiệm hoặc che giấu hành vi vi phạm;
- Hành vi vi phạm có quy mô lớn, hoặc có giá trị lớn; và
- Hành vi vi phạm đối với nhiều người, trẻ em, người già, người khuyết tật, hoặc phụ nữ mang thai.

Những trường hợp không tiến hành xử phạt bao gồm:¹²¹

- Khi thực hiện hành vi vi phạm trong tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ, sự kiện bất khả kháng;
- Người vi phạm bị bệnh tâm thần hoặc bệnh khác được xác nhận bởi một cơ quan y tế, khiến họ mất ý thức hoặc khả năng kiểm soát hành vi; hoặc là người dưới 14 tuổi nên chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính.¹²²

Trong vòng bảy ngày (hoặc 30 ngày đối với các trường hợp phức tạp), cơ quan nhà nước có liên quan sẽ đưa ra quyết định về cách xử lý hành vi vi phạm.¹²³

Một bên bị thiệt hại có thể yêu cầu bồi thường bằng cách nộp đơn kiện tới Bộ phận Dân sự của Tòa án Nhân dân theo Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ngoài ra, những cá nhân vi phạm các quy định về vệ sinh và an toàn thực phẩm có thể chịu trách nhiệm hình sự.. Các tội phạm liên quan đến vệ sinh và an toàn thực phẩm, theo Bộ luật Hình sự, là rất đa dạng và bao gồm việc sử dụng các

¹²¹ Luật Số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 về Xử lý Vi phạm Hành chính, điều 11.

¹²² *Như trên*, điều 11. Một người từ 14 đến dưới 16 tuổi có thể bị xử phạt hành chính cho hành vi vi phạm hành chính có chủ ý. Người từ 16 tuổi trở lên có thể bị xử phạt hành chính cho hành vi vi phạm hành chính.

¹²³ *Như trên*, điều 66.1.

chất bị cấm để sản xuất hoặc bảo quản thực phẩm; bán thực phẩm dù biết rằng chúng chứa các chất bị cấm; sản xuất và kinh doanh hoá chất, thuốc kháng sinh, thuốc thú y, chế phẩm bảo vệ thực vật bị cấm sử dụng trong sản xuất muối và sơ chế nông, lâm, thủy sản; sản xuất và kinh doanh hàng giả là thực phẩm hoặc phụ gia thực phẩm, v.v. Hình phạt cho mỗi tội danh có thể là 5 năm tù giam, 10 năm tù giam hoặc án tù chung thân. Tiền phạt có thể từ 20 triệu đến 100 triệu đồng Việt Nam, tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội.

Có những hình thức phạm tội liên quan đến sản xuất và buôn bán sản phẩm hóa chất, thuốc kháng sinh, thuốc thú y, chế phẩm bảo vệ thực vật bị cấm và liên quan đến sản xuất và kinh doanh hàng giả là thực phẩm hoặc phụ gia thực phẩm. Trong những trường hợp đó, bên kinh doanh là doanh nghiệp (không chỉ là các cá nhân) có thể chịu trách nhiệm hình sự. Việc những công ty này có thể chịu trách nhiệm hình sự do vi phạm các quy định về vệ sinh và an toàn thực phẩm.

KẾT LUẬN

Các quy định về thực phẩm đã được cải thiện và đơn giản hóa. Một ví dụ điển hình là sự thay thế các quy tắc phức tạp liên quan đến việc đăng ký chất lượng, vệ sinh và an toàn thực phẩm. Một hệ thống công bố chất lượng, vệ sinh, và an toàn thực phẩm nay đang được áp dụng. Sự thay đổi này mang lại một hệ thống tinh gọn và đơn giản.

Các quy định pháp luật về thực phẩm vẫn đang được tiếp tục phát triển theo hướng giúp cải thiện rõ rệt ngành công nghiệp thực phẩm Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, và các tiêu chuẩn về xuất, nhập khẩu cũng như chế biến. Thực tế là luật pháp vẫn cần phải tiếp tục phát triển. Các quy định đã đặt ra để kiểm soát chất lượng hàng hóa nói chung được nhận định một cách đúng đắn rằng là chưa hoàn hảo để kiểm soát chất lượng thực phẩm. Tình trạng này đã được biết đến một cách rõ ràng, nhưng, quá trình thay đổi và thi hành vẫn đang được đánh giá, cân nhắc và cần nhiều thời gian.

PHỤ LỤC

Danh sách trích dẫn Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư và Quy định phân loại theo chủ đề và thứ tự thời gian

Chủ đề	Trang ¹²⁴	Tên văn bản pháp luật	Ban hành bởi	Ban hành ngày
<i>An toàn Thực phẩm</i>	3	<ul style="list-style-type: none"> Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Kỹ thuật số 68/2006/QH11 	Quốc hội	Ngày 29 tháng 6 năm 2006
	1, 3	<ul style="list-style-type: none"> Luật Chất lượng Sản phẩm, Hàng hóa số 05/2007/QH12 	Quốc hội	Ngày 21 tháng 11 năm 2007
	1, 2, 3, 13,	<ul style="list-style-type: none"> Luật An toàn Thực phẩm số 55/2010/QH12 	Quốc hội	Ngày 17 tháng 6 năm 2010
	4, 2	<ul style="list-style-type: none"> Thông tư 43/2014/TT-BYT về quản lý thực phẩm chức năng 	BYT	Ngày 24 tháng 11 năm 2014
	4, 5, 9	<ul style="list-style-type: none"> Nghị định 15/2018/ND-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn Thực phẩm 	Chính phủ	Ngày 02 tháng 12 năm 2018
	5	<ul style="list-style-type: none"> Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế 	BYT	Ngày 12 tháng 11 năm 2018

	5	<ul style="list-style-type: none"> Thông tư 28/2021/TT-BYT ban hành danh mục thực phẩm, phụ gia thực phẩm và dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm đã được xác định mã số hàng hóa theo danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam phục vụ cho kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu 	BYT	Ngày 20 tháng 12 năm 2021
<i>Nhãn hàng hóa</i>	7, 8, 9, 10	<ul style="list-style-type: none"> Nghị định 43/2017/NĐ-CP về Ghi nhãn Hàng hóa 	Chính phủ	Ngày 14 tháng 4 năm 2017
	7, 8, 9, 10	<ul style="list-style-type: none"> Nghị định 111/2021/ND-CP sửa đổi Nghị định 43/2017/ND-CP về Ghi nhãn Hàng hóa 	Chính phủ	Ngày 09 tháng 12 năm 2021
	7	<ul style="list-style-type: none"> Thông tư 05/2019/TT-BKHHCN quy định chi tiết thi hành Nghị định 43/2017/ND-CP về Ghi nhãn Hàng hóa 	BKHHCN	Ngày 26 tháng 06 năm 2019
<i>Quảng cáo</i>	11, 12	<ul style="list-style-type: none"> Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 	Quốc hội	Ngày 21 tháng 6 năm 2012
	11, 12	<ul style="list-style-type: none"> Nghị định 181/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quảng cáo (được sửa đổi bởi Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017) và Nghị định 70/2021/ND-CP ngày 20 tháng 07 năm 2021 	Chính phủ	Ngày 14 tháng 11 năm 2013

¹²⁴ Tham chiếu đến các trang trong quyền sách này.

	11	<ul style="list-style-type: none"> Thông tư 10/2013/TT-BVHTTDL quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181 về các văn bản pháp lý, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thẩm định các Sản phẩm Quảng cáo và phân công quản lý nhà nước về quảng cáo 	BVHTTDL	Ngày 06 tháng 12 năm 2013
	11	<ul style="list-style-type: none"> Thông tư 09/2015/TT-BYT quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, và dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của BHYT 	BYT	Ngày 25 tháng 5 năm 2015
	12	<ul style="list-style-type: none"> Nghị định 38/2021/ND-CP quy định biện pháp xử phạt vi phạm hành chính đối với các hoạt động văn hóa và quảng cáo 	Chính phủ	Ngày 29 tháng 03 năm 2021
<i>Thu hồi</i>	13, 16	<ul style="list-style-type: none"> Luật An toàn Thực phẩm số 55/2010/QH12 	Quốc hội	Ngày 17 tháng 6 năm 2010
	14	<ul style="list-style-type: none"> Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng số 59/2010/QH12 	Quốc hội	Ngày 17 tháng 11 năm 2010
	13, 24	<ul style="list-style-type: none"> Nghị định 126/2021/ND-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử. 	Chính phủ	Ngày 30 tháng 12 năm 2021

	13	<ul style="list-style-type: none"> • Nghị định số 119/2017/NĐ-CP về xử phạt Vi phạm Hành chính trong lĩnh vực Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng Sản phẩm, Hàng hóa 	Chính phủ	Ngày 01 tháng 11 năm 2017
<i>Thanh tra</i>	15	<ul style="list-style-type: none"> • Luật Chất lượng Sản phẩm, Hàng hóa số 05/2007/QH12 	Quốc hội	Ngày 21 tháng 11 năm 2007
	15	<ul style="list-style-type: none"> • Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn Thực phẩm 	Chính phủ	Ngày 02 tháng 02 năm 2018
	15	<ul style="list-style-type: none"> • Nghị định 122/2014/NĐ-CP về Tổ chức và Hoạt động của Thanh tra Y tế 	Chính phủ	Ngày 25 tháng 12 năm 2014
<i>Yêu cầu nhập khẩu</i>	16, 17, 18	<ul style="list-style-type: none"> • Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn Thực phẩm 	Chính phủ	Ngày 02 tháng 02 năm 2018
	17	<ul style="list-style-type: none"> • Công Văn số 114/ATTP-PCTTR của Cục An Toàn Thực Phẩm ngày 10 tháng 1 năm 2019 về việc trả lời kiến nghị liên quan đến Nghị định 15 	BYT	Ngày 07 tháng 3 năm 2007
	16	<ul style="list-style-type: none"> • Nghị định 85/2019/NĐ-CP quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 	BYT	Ngày 14 tháng 12 năm 2019

	16	<ul style="list-style-type: none"> Luật An toàn Thực phẩm số 55/2010/QH12 	Quốc hội	Ngày 07 tháng 06 năm 2010
<i>Yêu cầu xuất khẩu</i>	19	<ul style="list-style-type: none"> Thông tư 52/2015/TT-BYT quy định việc kiểm tra Nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu và hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận xuất khẩu đối với thực phẩm xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của BYT. 	BYT	Ngày 21 tháng 12 năm 2015
	19	<ul style="list-style-type: none"> Nghị định 69/2018/ND-CP hướng dẫn thi hành Luật Quản lý Ngoại thương 	Chính phủ	Ngày 15 tháng 5 năm 2018
Thủy sản	20, 23	<ul style="list-style-type: none"> Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 	Quốc hội	Ngày 21 tháng 12 năm 2017
	20	<ul style="list-style-type: none"> Nghị định 26/2019/ND-CP quy định chi tiết thi hành Luật thủy sản 	Chính phủ	Ngày 08 tháng 03 năm 2019
	22, 23	<ul style="list-style-type: none"> Thông tư 48/2013/ TT-BNNPTNT quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu (được sửa đổi bởi Thông tư 02/2017/ TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 02 năm 2017) 	BNNPTNT	Ngày 12 tháng 11 năm 2013
	21, 22	<ul style="list-style-type: none"> Thông tư 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 và Thông tư 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 02 năm 2017) 	BNNPTNT	Ngày 29 tháng 10 năm 2018

	20, 21	<ul style="list-style-type: none"> • Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.. 	BNNPTNT	Ngày 25 tháng 12 năm 2018
	23	<ul style="list-style-type: none"> • Thông tư 26/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. 	BNNPTNT	Ngày 15 tháng 11 năm 2018
	21	<ul style="list-style-type: none"> • Thông tư 08/2016/TT-BNNPTNT về Giám sát Vệ Sinh, An toàn Thực phẩm Nông, Lâm, Thủy sản 	BNNPTNT	Ngày 01 tháng 6 năm 2016
<i>Thực thi</i>	24	<ul style="list-style-type: none"> • Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 	Quốc hội	Ngày 24 tháng 11 năm 2015
	24	<ul style="list-style-type: none"> • Luật Chất lượng Sản phẩm, Hàng hóa số 05/2007/QH12 	Quốc hội	Ngày 21 tháng 11 năm 2007
	24	<ul style="list-style-type: none"> • Luật An toàn Thực phẩm số 55/2010/QH12 	Quốc hội	Ngày 17 tháng 6 năm 2010
	25, 26	<ul style="list-style-type: none"> • Luật Xử lý Vi phạm Hành chính số 15/2012/QH13 	Quốc hội	Ngày 20 tháng 6 năm 2012
	24, 25	<ul style="list-style-type: none"> • Nghị định 119/2017/NĐ-CP về Xử phạt Vi phạm Hành chính trong lĩnh vực Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng Sản phẩm, Hàng hóa 	Chính phủ	Ngày 01 tháng 11 năm 2017

RUSSIN & VECCHI

This book (Food Law in Vietnam - English version) appeared in Mondaq on 9 June 2022.